ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2596 /UBND-NC V/v triển khai, thực hiện Kế hoạch số 168-KH/TU ngày 27/4/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	*Trà Vinh, ngày 07 tháng 7 năm 2020*

Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh
07-07-2020 14:31:57 +07:00

Kính gửi:
- Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh;
- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Kế hoạch số 168-KH/TU ngày 27/4/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao thứ hạng các chỉ số về cải cách hành chính (PAR Index), hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), sự phục vụ hành chính (SIPAS), năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử (ICT Index).

Để tạo bước đột phá trong cải thiện, nâng cao điểm số và thứ hạng các chỉ số: PAR Index, SIPAS, PAPI, PCI, ICT Index, thực hiện thành công công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu:

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Triển khai, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ liên quan đến công tác cải cách hành chính, tập trung các nội dung liên quan đến 06 nhiệm vụ Chương trình tổng thể cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2011 – 2020, Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 – 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; chú trọng cải thiện chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công, phục vụ đáp ứng nhu cầu của Nhân dân và tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Chủ động, phối hợp với các Sở: Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao thứ hạng các chỉ số: PAR Index, SIPAS, PAPI, PCI, ICT Index theo quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 Mục III Kế hoạch số 168-KH/TU ngày 27/4/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; nâng điểm số, thứ hạng các chỉ số PAR Index, SIPAS, PAPI, PCI, ICT Index trong năm 2020 và các năm tiếp theo.

(Đính kèm Phụ lục giao trách nhiệm thực hiện nâng điểm, thứ hạng các chỉ số PAR Index, SIPAS, PAPI, ICT Index của từng cơ quan, đơn vị; riêng chỉ số PCI thực hiện theo Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 12/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

2. Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đánh giá, phân tích kết quả chấm điểm các Chỉ số PAR Index, SIPAS, PAPI hàng năm, đề ra các giải pháp cụ thể khắc phục các tiêu chí bị điểm thấp của các chỉ số, nâng thứ hạng: Chỉ số PAR Index lên nhóm C, phấn đấu đứng vào nhóm B; Chỉ số SIPAS đạt tỷ lệ từ 85% trở lên và nằm trong nhóm đạt kết quả cao; Chỉ số PAPI từ nhóm có điểm trung bình thấp lên nhóm có điểm trung bình cao vào năm 2020 và những năm tiếp theo.

3. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đánh giá, phân tích kết quả chấm điểm Chỉ số PCI hàng năm, đề ra các giải pháp cụ thể khắc phục các tiêu chí bị điểm thấp của Chỉ số PCI; phấn đấu nâng thứ hạng Chỉ số PCI năm 2020 so với năm 2019 và tăng bậc trong những năm tiếp theo.

4. Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề ra các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử; phấn đấu cải thiện, tăng từ 5 bậc trở lên Chỉ số xếp hạng chung ICT Index năm 2020 so với năm 2019./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT TU (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng TU;
- Ban Tổ chức TU;
- BLĐVP;
- Các Phòng, Trung tâm thuộc VP;
- Lưu: VT, NC. 02

CHỦ TỊCH

Đồng Văn Lâm

7718

Phụ lục I

TRÁCH NHIỆM CÁC CƠ QUAN THỰC HIỆN NÂNG CAO THỨ HẠNG CHỈ SỐ PAPI NĂM 2020 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO

(Kèm theo Công văn số: 2596/UBND-NC ngày 07 / 7 /2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Tiêu chí	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả phấn đấu
1	Tham gia của người dân ở cấp cơ sở: gồm 04 chỉ số thành phần.				
1.1	Trí thức công dân	- Triển khai Quy chế dân chủ ở cơ sở và thực hiện tốt Pháp lệnh Dân chủ ở xã, phường, thị trấn; - Thông tin về các quy định về quyền và nghĩa vụ của công dân; sự hiểu biết của người dân về cơ hội tham gia của mình, kinh nghiệm trong bầu trưởng thôn/tổ trưởng dân phố (ấp, khóm).	Sở Nội vụ	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Trung bình thấp
1.2	Cơ hội tham gia	- Tuyên truyền, vận động người dân tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, trực tiếp bầu Trưởng ban nhân dân ấp, khóm; - Huy động sự tham gia của người dân ở cấp cơ sở, cơ chế tạo điều kiện cho người dân tham gia vào các quy trình quản trị và hành chính công.			Trung bình thấp

Số TT	Tiêu chí	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả phấn đấu
1.3	Chất lượng bầu cử	- Mức độ hài lòng với chất lượng bầu cử vị trí trưởng thôn/tổ trưởng dân phố; - Thực hiện tuyên truyền, phổ biến cụ thể, đầy đủ đến người dân về hình thức bầu cử, kết quả bầu cử, người trúng cử, nhất là việc trực tiếp bầu cử Trưởng ban nhân dân ấp, khóm.	Sở Nội vụ	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Trung bình thấp
1.4	Đóng góp tự nguyện	- Thực hiện công khai các khoản đóng góp tự nguyện tại địa phương; - Tổ chức lấy ý kiến của người dân trong việc quyết định xây mới, tu sửa công trình công cộng hoặc trong quá trình thiết kế xây mới/tu sửa công trình ở xã, phường, thị trấn; - Tăng cường hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.	Sở Nội vụ	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Trung bình cao
2	Công khai minh bạch: gồm 04 chỉ số thành phần.				
2.1	Tiếp cận thông tin	- Mức độ công khai, minh bạch trong cung cấp thông tin của chính quyền địa phương tới người dân; - Niêm yết đầy đủ các quy định hành chính, thủ tục hành chính tại cơ quan, đơn vị và trên Cổng thông	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy	Trung bình thấp

Số TT	Tiêu chí	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả phấn đấu
		tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử thành phần, tiếp tục sử dụng có hiệu quả việc khai thác kênh thông tin của tỉnh trên tính năng của ứng dụng Zalo nhằm đảm bảo các thông tin được cập nhật và thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp truy cập, tìm hiểu.		ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện	
2.2	Danh sách hộ nghèo	- Hướng dẫn công khai điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ, quy trình… để chọn hộ nghèo; - Thực hiện công khai điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ, quy trình… để chọn hộ nghèo; danh sách hộ nghèo; chế độ, chính sách của hộ nghèo được hưởng; đa dạng hóa các hình thức công khai để người nhân dân biết.	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Trung bình thấp
2.3	Thu, chi ngân sách cấp xã/phường	- Thu, chi ngân sách xã/phường đảm bảo đúng quy định; hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ tài chính ở cấp xã; đảm bảo thông tin về thu chi ngân sách được công bố có tính chính xác, minh bạch, rõ ràng; - Công khai báo cáo thu chi ngân sách hàng năm của cấp xã tại vị trí thuận lợi để nhân dân biết.	Sở Tài chính	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Trung bình thấp

Số TT	Tiêu chí	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả phấn đấu
2.4	Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất, khung giá đền bù	- Lấy ý kiến người dân vào quy hoạch sử dụng đất chi tiết - Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Cao nhất
		Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện			
		Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh			
		Bảng giá đất hàng năm sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành phải công bố trên Công báo của tỉnh, Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử của ngành và các hình thức thích hợp khác cho phù hợp			
3	Trách nhiệm giải trình với người dân: gồm 03 chỉ số thành phần.				
3.1	Hiệu quả tương tác với cấp chính quyền	- Thực hiện có hiệu quả việc tiếp xúc của người dân với các cá nhân và cơ quan có thẩm quyền; nâng cao kỹ năng giao tiếp, chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ, công chức cấp xã, Trưởng ban nhân dân ấp, khóm, trong việc tiếp nhận, giải quyết khó khăn, phản ánh, kiến nghị hoặc góp ý xây dựng với chính quyền của người dân . - Nâng cao hiệu quả giải trình của cán bộ chính quyền về các hoạt động tại địa phương với cấp cơ sở.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND cấp huyện	Trung bình cao

Số TT	Tiêu chí	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả phấn đấu
3.2	Giải quyết khiếu nại, tố cáo của người dân	- Tổ chức thực hiện tốt Quy chế phối hợp về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh; giải quyết các vấn đề cá nhân, gia đình, hàng xóm, hoặc liên quan tới chính quyền địa phương, khiếu nại, tố cáo của người dân. - Tổ chức thực hiện tốt việc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đối thoại, tiếp xúc định kỳ với người dân, doanh nghiệp nhằm kịp thời tiếp nhận, giải quyết khó khăn, phản ánh, kiến nghị hoặc góp ý xây dựng chính quyền của người dân.	Thanh tra tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp, các sở, ban, ngành có liên quan và UBND cấp huyện	Trung bình cao
3.3	Tiếp cận dịch vụ tư pháp	Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện các dịch vụ tư pháp, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, hỗ trợ tư pháp	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND cấp huyện	Trung bình cao
4	Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công: gồm 04 chỉ số thành phần.				
4.1	Kiểm soát tham nhũng trong cơ quan hành chính	- Thực hiện tốt cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, đảm bảo giải quyết các thủ tục hành chính cho người dân đúng thời gian quy định, tránh việc kéo dài thời gian giải quyết gây trở ngại, phiền hà cho tổ chức, cá nhân;	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND cấp huyện	Cao nhất

Số TT	Tiêu chí	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả phấn đấu
		- Công khai, niêm yết kịp thời, đầy đủ tất cả các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, quy trình, thời gian giải quyết, lệ phí, các biểu mẫu theo quy định; - Công khai số điện thoại đường dây nóng theo quy định.			
		Tổ chức tuyên truyền sâu rộng và triển khai thực hiện có hiệu quả Luật phòng, chống tham nhũng trong cán bộ, công chức, viên chức và người dân	Thanh tra tỉnh		
4.2	Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công	- Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức trong lĩnh vực y tế; - Thực hiện về chuyển đổi vị trí công tác trong ngành Y tế và kê khai tài sản, thu nhập theo quy định; - Trang bị thùng thư góp ý và công khai số điện thoại tiếp nhận thông tin phản ánh tại trụ sở y tế, đồng thời tổ chức thực hiện việc lấy ý kiến đóng góp của bệnh nhân về kết quả khám, chữa bệnh và thái độ phục vụ của đội ngũ y, bác sĩ tại cơ sở y tế.	Sở Y tế	Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành có liên quan và UBND cấp huyện	Cao nhất

Số TT	Tiêu chí	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả phấn đấu
		- Thực hiện tuyển dụng viên chức trong ngành giáo dục, tuyển sinh đầu vào đúng quy định. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc tuyển dụng viên chức ngành giáo dục; - Thường xuyên lấy ý kiến phụ huynh học sinh về thái độ của giáo viên đối với các học sinh và chất lượng dạy học của giáo viên; không phát sinh các khoản đóng góp ngoài quy định.	Sở Giáo dục và đào tạo	Sở Nội vụ, các sở, ngành có liên quan và UBND cấp huyện	
4.3	Công bằng trong tuyển dụng	Thực hiện đúng các quy định về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức công khai, minh bạch, công bằng và khách quan trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định hiện hành	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND cấp huyện	Cao nhất
4.4	Quyết tâm chống tham nhũng	Tăng cường công tác tuyên truyền về Luật Phòng chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh; tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về "Tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí"	Thanh tra tỉnh	Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND cấp huyện	Trung bình cao
		Thực hiện tốt công tác tiếp công dân gắn với việc tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm và kịp thời các khiếu nại, tố cáo, tin báo			

Số TT	Tiêu chí	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả phấn đấu
		phản ánh tham nhũng, các vụ việc tham nhũng phát sinh trên địa bàn tỉnh			
		Thực hiện công tác kê khai tài sản, thu nhập cá nhân theo quy định			
5	Thủ tục hành chính công: gồm 04 chỉ số thành phần.				
5.1	Chứng thực, xác nhận	- Tiếp tục thực hiện việc rà soát, cập nhật quy định mới về thủ tục hành chính, kịp thời tham mưu cấp có thẩm quyền bãi bỏ, công bố mới thủ tục hành chính đúng quy định, tiếp tục thực hiện theo quy trình đã được rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định nhằm góp phần tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức trong thực hiện thủ tục hành chính. - Niêm yết, công khai thủ tục hành chính đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử thành phần.	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND cấp huyện	Trung bình thấp
5.2	Dịch vụ cấp phép xây dựng				Cao nhất
5.3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất				Cao nhất
5.4	Dịch vụ hành chính cấp xã, phường				Cao nhất
6	Cung ứng dịch vụ công: gồm 04 chỉ số thành phần.				

Số TT	Tiêu chí	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả phấn đấu
6.1	Y tế công lập	Tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng trong cán bộ, nhân viên y tế các quy định về y đức, quy định về chế độ giao tiếp và các quy tắc ứng xử.	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND cấp huyện	Cao nhất
		Phối hợp với cơ quan thông tin đại chúng, các cơ quan liên quan tuyên truyền chính sách Bảo hiểm y tế trên diện rộng, lan tỏa tận các vùng sâu, vùng xa; ban hành các văn bản hướng dẫn liên ngành, quy chế phối hợp… Hàng năm, thực hiện tốt công tác rà soát, điều tra hộ nghèo, lập danh sách đề nghị cấp thẻ Bảo hiểm y tế.	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội		
		- Tiếp tục triển khai hực hiện tốt quy trình liên thông trong cấp Giấy khai sinh - Đăng ký hộ khẩu - Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi.	Sở Tư pháp		
6.2	Giáo dục tiểu học công lập	- Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên các cấp học góp phần nâng cao chất lượng công tác dạy và học của các trường công lập trên địa bàn tỉnh; - Thực hiện nghiêm túc quy định mức học phí các trường công lập trên địa bàn; quy định về dạy thêm,	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND cấp huyện	Cao nhất

Số TT	Tiêu chí	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả phấn đấu
		học thêm trên địa bàn tỉnh. Không để xảy ra tình trạng chạy trường, chạy điểm.			
6.3	Cơ sở hạ tầng căn bản	- Đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước máy theo nhu cầu của nhân dân trên địa bàn; cung cấp nước đạt chất lượng, đủ lưu lượng cho người dân khi sử dụng nước máy; - Tuyên truyền, vận động nhân dân sử dụng nước máy khi đã có hệ thống cấp nước máy đi ngang qua nhà; - Tiếp tục thực hiện việc cung cấp nước sạch cho người dân theo chương trình Mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND cấp huyện	Cao nhất
		Nâng cấp mạng lưới điện nhằm đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu sử dụng của Nhân dân trong sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh	Sở Công Thương		
6.4	An ninh, trật tự	Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm, phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND cấp huyện	Cao nhất
7.	Quản trị môi trường: gồm 03 chỉ số thành phần.				

Số TT	Tiêu chí	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả phấn đấu
7.1	Nghiêm túc trong bảo vệ môi trường	Tăng cường thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường, thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện của các doanh nghiệp nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp sai phạm, hạn chế tối đa các yếu tố gây ô nhiễm tác động trực tiếp tới sức khỏe con người trên địa bàn tỉnh. Thực hiện đúng các quy trình đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, chú trọng nâng cao chất lượng nước (hiện nay việc cung ứng nước sạch còn hạn chế, chất lượng nước rất kém).	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND cấp huyện	Cao nhất
7.2	Chất lượng không khí				Cao nhất
7.3	Chất lượng nước				Trung bình cao
8.	Quản trị điện tử: gồm 03 chỉ số thành phần.				
8.1	Sử dụng cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương	Thực hiện đồng bộ việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động hành chính, nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính qua môi trường mạng, sử dụng hiệu quả Cổng dịch vụ công của tỉnh, nâng cấp Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh gắn với công tác thông tin tuyên truyền để người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh khai thác, sử dụng hiệu quả.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND cấp huyện	Cao nhất
8.2	Tiếp cận và sử dụng Internet tại địa phương				Trung bình thấp
8.3	Phúc đáp qua Cổng thông tin điện tử				Cao nhất

Phụ lục II

TRÁCH NHIỆM CÁC CƠ QUAN THỰC HIỆN NÂNG CAO THỨ HẠNG CHỈ SỐ PAR Index NĂM 2020 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO

(Kèm theo Công văn số: 2596 /UBND-NC ngày 07 / 7 /2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Stt	Tiêu chí	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả phấn đấu
1	Lĩnh vực công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính	- Tăng cường công tác kiểm tra cải cách hành chính, thanh tra, kiểm tra nội vụ trên địa bàn tỉnh; theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện các giải pháp khắc phục những hạn chế sau kiểm tra. - Tăng cường các giải pháp, sáng kiến mới trong quá trình thực hiện nhiệm vụ gắn với công tác cải cách hành chính. - Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ được giao, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chung của tỉnh được Chính phủ, Thủ tướng chính phủ giao.	Sở Nội vụ	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã	Triển khai thực hiện tốt, phấn đấu nâng Chỉ số PAR Index lên nhóm C
2	Lĩnh vực Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại tỉnh	- Theo dõi thi hành pháp luật. - Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi.	Sở Tư pháp	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã	Tổ chức thực hiện tốt, phấn đấu nâng Chỉ số PAR Index lên nhóm C
3	Lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính	- Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC); rà soát TTHC; công bố, công khai TTHC. - Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh. - Tổ chức thực hiện nghiêm Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo 100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Tổ chức thực hiện tốt, phấn đấu nâng Chỉ số PAR Index lên nhóm C

Stt	Tiêu chí	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả phấn đấu
		thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị, 100% hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng thời gian và trả kết quả đúng quy định. Nghiên cứu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phương án thực hiện nhằm đưa thủ tục ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp. - Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định việc công khai thủ tục hành chính trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và trang thông tin điện tử và công khai kết quả trả lời phản ánh, kiến nghị của cá nhân đầy đủ			
4	Lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy	- Thực hiện quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy. - Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền của tỉnh. - Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính. - Thực hiện quy định về quản lý, sử dụng biên chế hành chính, số lượng người làm việc.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Tổ chức thực hiện tốt, phấn đấu nâng Chỉ số PAR Index lên nhóm C
5	Lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	- Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm. - Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh. - Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính; đánh giá, phân loại công chức, viên chức; mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Tổ chức thực hiện tốt, phấn đấu nâng Chỉ số PAR Index lên nhóm C
6	Lĩnh vực cải cách tài chính công	- Tổ chức thực hiện công tác tài chính – ngân sách. - Quản lý, sử dụng tài sản công. - Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã	Tổ chức thực hiện tốt, phấn đấu nâng Chỉ số PAR

Stt	Tiêu chí	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả phấn đấu
					Index lên nhóm C
7	Lĩnh vực hiện đại hóa hành chính	- Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật vận hành Cổng dịch vụ công của tỉnh đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; tích hợp các dịch vụ thanh toán điện tử trên Cổng dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp thanh toán phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính. - Hỗ trợ liên thông, kết nối giữa hệ thống thông tin của Bộ, ngành triển khai cho các cơ quan đơn vị với hệ thống iGate của tỉnh để thống nhất đầu mối cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến. - Hỗ trợ các cơ quan, đơn vị công bố thông tin, cập nhật điều chỉnh chức năng Cổng dịch vụ công trực tuyến theo quy trình nội bộ, quy trình điện tử tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết hồ sơ hành chính.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã	Tổ chức thực hiện tốt, phấn đấu nâng Chỉ số PAR Index lên nhóm C
		Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.	Văn phòng UBND tỉnh		
		- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 theo quy định, nhắc nhỡ, theo dõi các cơ quan đơn vị tiến hành khắc phục hạn chế sau các đợt kiểm tra.	Sở Khoa học và Công nghệ		
8	Lĩnh vực tác động của cải cách hành chính đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh	- Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh. - Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh. - Việc thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao. - Tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh. - Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do Hội đồng nhân dân tỉnh giao.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã	Tổ chức thực hiện tốt, phấn đấu nâng Chỉ số PAR Index lên nhóm C

Phụ lục III

TRÁCH NHIỆM CÁC CƠ QUAN THỰC HIỆN NÂNG CAO THỨ HẠNG CHỈ SỐ SIPAS NĂM 2020 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO

(Kèm theo Công văn số: 2596/UBND-NC ngày 07 / 7 /2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Stt	Tiêu chí	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả phấn đấu
1	Tiêu chí tiếp cận dịch vụ; Tiêu chí về công chức	- Tiếp tục bố trí nơi làm việc đảm bảo về chỗ ngồi, trang thiết bị và các vật dụng cần thiết (quạt, nước uống, viết,…) nhằm đảm bảo cho người dân, tổ chức cảm thấy thoải mái trong lúc chờ giao dịch hành chính. Đồng thời, thực hiện nghiêm các quy định về biển tên cơ quan, biển tên để bàn và thẻ công chức trong thực hiện nhiệm vụ. - Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm các quy định về kỷ luật, kỷ cương hành chính. Đồng thời, cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực làm việc cũng như tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức. - Thường xuyên tổ chức kiểm tra công vụ để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các trường hợp vi phạm về thái độ, cũng như tình trạng những nhiễu của cán bộ, công chức gây phiền hà cho cá nhân, tổ chức.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã	Triển khai thực hiện tốt, phấn đấu đến năm 2020 và những năm tiếp theo đạt tỷ lệ từ 85% trở lên
2	Tiêu chí thủ tục hành chính; Tiêu chí kết quả dịch vụ; Tiêu chí việc tiếp nhận, xử lý góp ý, phản ánh, kiến nghị	- Tổ chức thực hiện nghiêm Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị, 100% hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng thời gian và trả kết quả đúng quy định, trường hợp không thực hiện	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã	Triển khai thực hiện tốt, phấn đấu đến năm 2020 và những năm tiếp theo đạt tỷ lệ từ 85% trở lên

Stt	Tiêu chí	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả phấn đấu
		đúng quy định phải có văn bản báo cáo giải trình hợp lý và có thư xin lỗi với tổ chức, cá nhân. - Thường xuyên rà soát, rút ngắn thời gian, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đồng thời thực hiện việc công khai, niêm yết thủ tục hành chính đúng quy định, phát huy hiệu quả hoạt động của các Trung tâm Phục vụ hành chính công, tăng cường tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến. - Cử công chức phụ trách tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa phải đảm bảo có đủ năng lực, trình độ và đạo đức công vụ, đảm bảo hướng dẫn, tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đúng quy định, rõ ràng, dễ hiểu, không để xảy ra tình trạng người dân phải đi lại nhiều lần, bổ sung hồ sơ nhiều lần khi giải quyết thủ tục hành chính. - Thực hiện tốt Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Trà Vinh nhằm tiếp nhận, xử lý đúng, kịp thời các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức. Công khai, niêm yết đầy đủ, kịp thời các quy định hành chính, thủ tục hành chính thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị. Thường xuyên cập nhật, đưa tin, bài về các hoạt động của cơ quan, đơn vị trên các kênh thông tin đại chúng để nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền đến người dân, tổ chức.			

Phụ lục IV

TRÁCH NHIỆM CÁC CƠ QUAN THỰC HIỆN NÂNG CAO THỨ HẠNG CHỈ SỐ ICT NĂM 2020 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO

(Kèm theo Công văn số: 2596 /UBND-NC ngày 07 / 7 /2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tiêu chí	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả phấn đấu
1	**Hạ tầng kỹ thuật**				
1.1	**Hạ tầng kỹ thuật xã hội:** gồm 08 tiêu chí thành phần (7/8 tiêu chí cần cải thiện)				
1.1.1	Tỷ lệ máy điện thoại cố định/100 dân	Phát triển số thuê bao điện thoại cố định.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh	Duy trì số thuê bao điện thoại cố định.
1.1.2	Tỷ lệ điện thoại di động/100 dân	Phát triển thuê bao điện thoại di động.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh	Đảm bảo số thuê bao điện thoại di động đạt từ 1.300.000 thuê bao.
1.1.3	Tỷ lệ thuê bao Internet/100 dân	Phát triển thuê bao Internet.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh	Đảm bảo số thuê bao Internet đạt từ 669.400 thuê bao.

STT	Tiêu chí	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả phấn đấu
1.1.4	Tỷ lệ thuê bao băng rộng cố định/100 dân	Phát triển thuê bao Internet kết nối có dây tốc độ cao với tốc độ tải xuống không thấp hơn 256kbps.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh	Đảm bảo số thuê bao Internet băng rộng cố định đạt từ 127.800 thuê bao.
1.1.5	Tỷ lệ thuê bao băng rộng không dây/100 dân	Phát triển thuê bao Internet kết nối không dây tốc độ cao với tốc độ tải xuống không thấp hơn 256kbps bao gồm thuê bao băng rộng mặt đất và thuê bao kết nối Internet băng rộng di động (3G, 4G)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh	Đảm bảo số thuê bao Internet băng rộng không dây đạt từ 541.600 thuê bao.
1.1.6	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng	Phát triển thuê bao Internet băng rộng cố định và không dây đến các hộ gia đình.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh	Đảm bảo đạt từ 57% tổng số hộ gia đình có kết nối Internet.
1.1.7	Tỷ lệ doanh nghiệp có kết nối Internet băng rộng	Phát triển thuê bao Internet băng rộng cố định và không dây đến các doanh nghiệp.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh	Duy trì 100% số doanh nghiệp có kết nối Internet.

STT	Tiêu chí	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả phấn đấu
1.2	**Hạ tầng kỹ thuật của các cơ quan nhà nước (CQNN)**: gồm 04 tiêu chí thành phần				
1.2.1	Tỷ lệ máy tính/cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) trong các CQNN	Rà soát, trang bị mới, nâng cấp, thay thế những thiết bị đầu cuối CNTT đảm bảo 100% CBCCVC nghiệp vụ có máy tính kết nối mạng để phục vụ công tác chuyên môn, ứng dụng CNTT trong quản lý nhà nước.	Các Sở, ban, ngành tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính	Duy trì 100% CBCCVC tại Sở, ban ngành tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND cấp huyện và UBND cấp xã được trang bị đầy đủ máy tính và có kết nối mạng để phục vụ công tác chuyên môn, ứng dụng CNTT trong quản lý nhà nước (không bao gồm viên chức y tế, giáo dục)
1.2.2	Tỷ lệ băng thông kết nối Internet/CBCCVC	Rà soát đảm bảo máy tính trang bị cho CBCCVC được kết nối mạng Internet (trừ máy tính phục vụ văn bản mật), ưu tiên sử dụng hình thức kết nối Leased Line, FTTH để tăng băng thông kết nối Internet quy đổi. *(Băng thông kết nối Internet quy đổi = Băng thông Leased Line * 5 + Băng*	Các Sở, ban, ngành tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế và UBND các huyện,	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính	Đảm bảo tổng băng thông kết nối Internet quy đổi của tất cả các hình thức kết nối của tỉnh đạt từ 70.430.722 kbps.

STT	Tiêu chí	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả phấn đấu
		*thông FTTH *5 + Băng thông xDSL + Băng thông khác)*	thị xã, thành phố		
1.2.3	Tỷ lệ các CQNN của tỉnh kết nối mạng diện rộng của tỉnh	Rà soát, hoàn thiện hệ thống mạng LAN của cơ quan, đảm bảo tất cả các thiết bị (máy vi tính; máy in, scan, photocopy có chức năng kết nối mạng; wifi) tại các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc, trực thuộc (trong phạm vi kết nối mạng LAN) được kết nối vào LAN bảo mật; duy trì kết nối LAN bảo mật của các cơ quan với mạng WAN của tỉnh.	Các Sở, ban, ngành tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	100% các Sở, ban ngành tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND cấp huyện, cấp xã có kết nối mạng WAN của tỉnh
1.2.4	Triển khai các giải pháp an toàn thông tin và an toàn dữ liệu	Đầu tư bổ sung trang thiết bị CNTT, an toàn thông tin, an toàn dữ liệu cho Trung tâm dữ liệu tỉnh tại Sở TT&TT phục vụ chung cho các CQNN các cấp.	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện, thành phố.	Đảm bảo Trung tâm Dữ liệu được trang bị các giải pháp: tường lửa, Lọc thư rác, phần mềm bảo mật/diệt virus, hệ thống cảnh báo truy nhập trái phép. Duy trì 100% các sở, ban ngành tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND cấp huyện, cấp xã đảm bảo

STT	Tiêu chí	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả phấn đấu
					tất cả các thiết bị trong phạm vi kết nối mạng LAN được kết nối vào LAN bảo mật.
2	**Hạ tầng nhân lực**				
2.1	**Hạ tầng nhân lực của xã hội:** gồm 04 tiêu chí thành phần				
2.1.1	Tỷ lệ người lớn (từ 15 tuổi trở lên) biết đọc, biết viết	Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục các bậc trung học ở những nơi có đủ điều kiện	Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các cơ sở giáo dục, các trường tiểu học, THCS, THPT trên địa bàn tỉnh	Duy trì đạt trên 98%
2.1.2	Tỷ lệ học sinh đến trường trong độ tuổi đi học (từ 6 - 18 tuổi)	Vận động học sinh trong độ tuổi đến trường, hạn chế tối đa tình trạng học sinh bỏ học.	Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các cơ sở giáo dục, các trường tiểu học, THCS, THPT trên địa bàn tỉnh	Duy trì đạt trên 90%

STT	Tiêu chí	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả phấn đấu
2.1.3	Tỷ lệ các trường (tiểu học, THCS, THPT) có giảng dạy tin học .	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ dạy tin học đối với các cơ sở giáo dục, trường tiểu học, THCS, THPT.	Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các cơ sở giáo dục, các trường tiểu học, THCS, THPT trên địa bàn tỉnh	Phấn đấu đạt chỉ tiêu 70% trường tiểu học, 100% trường THCS, THPT đưa môn tin học vào giảng dạy.
2.1.4	Tỷ lệ trường đại học, cao đẳng ở tỉnh có đào tạo chuyên ngành CNTT-TT	Liên kết các cơ sở đào tạo, đưa nội dung chuyên ngành CNTT, điện tử viễn thông thành một trong những chuyên ngành ưu tiên đào tạo của các trường đại học, cao đẳng trong tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Trường Đại học Trà Vinh, Trường Cao đẳng Nghề, các cơ sở giáo dục	100% các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh (trừ Trường Cao đẳng Y tế) đào tạo chuyên ngành CNTT-TT
2.2	**Hạ tầng nhân lực của các cơ quan nhà nước**: gồm 05 tiêu chí thành phần				
2.2.1	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách CNTT trong các CQNN		Các Sở, ban, ngành tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế	Sở Thông tin và Truyền thông	Đảm bảo 100% các Sở, ban ngành tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND cấp huyện, cấp xã

STT	Tiêu chí	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả phấn đấu
		Rà soát, phân công cán bộ chuyên ngành CNTT phụ trách phối hợp triển khai lĩnh vực ứng dụng CNTT.	và UBND các huyện, thị xã, thành phố		có ít nhất 01 cán bộ chuyên trách/phụ trách về CNTT.
2.2.2	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách ATTT trong các CQNN	Rà soát, phân công cán bộ chuyên ngành CNTT phụ trách phối hợp triển khai lĩnh vực ATTTT.	Các Sở, ban, ngành tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Đảm bảo 100% các Sở, ban ngành tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND cấp huyện, cấp xã có ít nhất 01 cán bộ chuyên trách/phụ trách về ATTT.
2.2.3	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách CNTT trong các CQNN có trình độ đại học trở lên	Tuyển dụng, bố trí cán bộ chuyên trách/phụ trách về CNTT, ATTT có chuyên ngành CNTT từ đại học trở lên.	Các Sở, ban, ngành tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Đảm bảo đạt từ 86% tổng số cán bộ chuyên trách CNTT.

STT	Tiêu chí	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả phấn đấu
2.2.4	Tỷ lệ CBCCVC được tập huấn, hướng dẫn sử dụng các phần mềm nguồn mở (PMNM) thông dụng	Tập huấn, hướng dẫn sử dụng các PMNM thông dụng (OpenOffice, ThnderBird, FireFox, Unikey,….) cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh (không bao gồm viên chức y tế, giáo dục)	Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đảm bảo 100% CBCCVC tại Sở, ban ngành tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND cấp huyện (không bao gồm viên chức y tế, giáo dục) được hướng dẫn sử dụng các PMNM thông dụng.
2.2.5	Tỷ lệ công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước được tập huấn về ATTT	Rà soát, xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp nâng cao nhận thức về ATTT, các khóa đào tạo kiến thức chuyên sâu như quản trị hệ thống, an toàn thông tin mạng cho cán bộ chuyên trách CNTT của các cơ quan, đơn vị.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đảm bảo 100% các Sở, ban ngành tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND cấp huyện có cán bộ tham gia lớp nâng cao nhận thức về ATTT; cán bộ chuyên trách/phụ trách về CNTT, ATTT được tham gia các lớp đào tạo kiến thức chuyên sâu.
.3	**Ứng dụng CNTT**				

STT	Tiêu chí	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả phấn đấu
3.1	**Ứng dụng CNTT trong các CQNN**: gồm 05 tiêu chí thành phần				
3.1.1	Tỷ lệ CBCCVC được cấp hòm thư điện tử chính thức của tỉnh và sử dụng thư điện tử trong công việc	- Rà soát, đăng ký cấp phát hộp thư điện tử của tỉnh. - Quán triệt cán bộ, công chức, viên chức tích cực sử dụng hộp thư điện tử của tỉnh đã được cấp để trao đổi công việc với các cá nhân, tổ chức ngoài đơn vị.	Các Sở, ban ngành tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Đảm bảo 100% cán bộ công chức, viên chức (không bao gồm viên chức y tế, giáo dục) được cấp hộp thư điện tử của tỉnh, 70% cán bộ công chức, viên chức sử dụng thư điện tử trong công việc.
3.1.2	Triển khai các ứng dụng cơ bản	- Khai thác, sử dụng hiệu quả phần mềm Quản lý văn bản và điều hành, hệ thống Một cửa điện tử, phần mềm quản lý nhân sự, quản lý tài chính - kế toán, quản lý tài sản cố định và các phần mềm nghiệp vụ khác. - Rà soát đề nghị thay đổi thông tin, cấp chứng thư số cho tổ chức, cá nhân (cán bộ có thẩm quyền ký số văn bản, cán bộ trực tiếp thụ lý, xử lý TTHC) để ký số văn bản; tiếp nhận, xử lý hồ sơ trực tuyến.	Các Sở, ban ngành tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Đảm bảo 100% các Sở, ban ngành tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND cấp huyện khai thác, sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành, hệ thống Một cửa điện tử, ứng dụng chữ ký số, phần mềm quản lý

STT	Tiêu chí	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả phấn đấu
					nhân sự, quản lý tài chính - kế toán, quản lý tài sản cố định và các phần mềm nghiệp vụ khác .
3.1.3	Xây dựng các cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành	Xây dựng các CSDL dùng chung của tỉnh và CSDL chuyên ngành. Các hệ thống thông tin chuyên ngành phải được xây dựng, phát triển hoặc nâng cấp trên cơ sở đảm bảo có khả năng chia sẻ, tích hợp với nhau thông qua trục chia sẻ tích hợp dữ liệu (LGSP).	Các Sở, ban ngành tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Hình thành dữ liệu của CQNN, đảm bảo chia sẻ phục vụ các hoạt động của cơ quan nhà nước hướng tới phục vụ người dân, doanh nghiệp: CSDL các ngành y tế, giáo dục, tài chính, tài nguyên môi trường, nông nghiệp, an ninh trật tự… Khai thác CSDL quốc gia về dân cư, đất đai, đăng ký khai sinh, doanh nghiệp, bảo hiểm,… trên địa bàn tỉnh.

STT	Tiêu chí	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả phấn đấu
3.1.4	Ứng dụng phần mềm nguồn mở	- Cài đặt, sử dụng PMNM (OpenOffice, ThnderBird, FireFox, Unikey). - Cài đặt hệ điều hành nguồn mở máy trạm, máy chủ tại cơ quan, đơn vị.	Các Sở, ban ngành tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	- 100% CBCCVC tại các Sở, ban ngành tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế và UBND các huyện, thị xã, thành phố (không bao gồm viên chức y tế, giáo dục) sử dụng bộ gõ Unikey, trình duyệt FireFox. - 35% máy trạm, 45% máy chủ cài đặt hệ điều hành nguồn mở.
3.1.5	Sử dụng văn bản điện tử	Rà soát đảm bảo tất cả cán bộ, công chức, viên chức có liên quan trong quy trình xử lý công việc của cơ quan phải được thiết lập tài khoản đăng nhập hệ thống; đồng bộ thực hiện công tác quản lý, điều hành công việc trong nội bộ.	Các Sở, ban ngành tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	100% các văn bản trao đổi trên môi trường mạng (trừ văn bản mật)
3.2	**Dịch vụ công trực tuyến**				

STT	Tiêu chí	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả phấn đấu
3.2.1	Cổng dịch vụ công	- Rà soát, hoàn thiện các chức năng của Cổng dịch vụ công.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban ngành tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Cổng dịch vụ công tỉnh đảm bảo thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ, thuận tiện trong việc khai thác, sử dụng cho người dân, doanh nghiệp và đảm bảo các quy định về kết nối Cổng dịch vụ công của tỉnh với các hệ thống thông tin khác.
3.2.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	- Chuẩn hóa bộ thủ tục hành chính, cung cấp đầy đủ thông tin, mẫu biểu trên Cổng dịch vụ công của tỉnh. - Rà soát hoàn thành xây dựng quy trình điện tử xử lý thủ tục hành chính đối với tất cả các thủ tục hành chính, biểu mẫu cung cấp thông tin về dịch vụ công, đồng thời lựa chọn đăng ký tối thiểu 70% thủ tục hành chính cung cấp mức độ 3, 30% thủ tục hành chính cung cấp mức độ 4,	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, các Sở, ban ngành tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế và UBND các huyện,	Cổng dịch vụ công của tỉnh đảm bảo cung cấp tối thiểu 70% thủ tục hành chính mức độ 3, 30% thủ tục hành chính mức độ 4, tối thiểu 50% dịch vụ công trực tuyến mức 3, mức 4 có phát sinh hồ sơ, tối thiểu 20% hồ sơ được

STT	Tiêu chí	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả phấn đấu
		để cung cấp trên Cổng dịch vụ công của tỉnh; chỉ đạo cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến, đảm bảo tối thiểu 20% hồ sơ được nhận bằng hình thức trực tuyến. - Đồng bộ tổ chức thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đối với tất cả thủ tục hành chính theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 /11/2018 của Văn phòng Chính phủ trên phần mềm iGate.		thị xã, thành phố	nhận bằng hình thức trực tuyến.